

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN LẠC
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2019/HS-ST
Ngày 02 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Công Sinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Doan

Bà Nguyễn Thị Huân.

-Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Mai - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 31/2019/TLST-HS ngày 21 tháng 6 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2019/QĐXXST - HS ngày 19 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1, Dương Hồng T, sinh ngày 15/4/1987; Nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã VT, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá:12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Dương Văn A, sinh năm 1962 và bà Tạ Thị TH, sinh năm 1965; vợ: Nguyễn Thị H, sinh năm 1993 (đã ly hôn); có 01 con, sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 45/2016/HSST ngày 26/4/2016 Tòa án nhân dân thành phố Móng Cái, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Buôn lậu”. Ngày 22/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2019 đến nay (có mặt).

2, Nguyễn Văn M, sinh ngày 14/12/1982; Nơi sinh và cư trú: Thôn P, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá:12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Y (đã chết) và bà Trương Thị N, sinh năm 1956; vợ: Vũ

Thị Bích G, sinh năm 1985; có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh ngày 15/4/2019; tiền án, tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án số 83/2003/HSST ngày 19/8/2003 Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù cho hưởng án treo về tội “Lưu hành tiền giả”.

Tại bản án số 36/2006/HSST ngày 30/8/2006 Tòa án nhân dân huyện Hàm Yên, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 42 tháng tù về tội “Lưu hành tiền giả”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 06 năm 06 tháng tù (được giảm án 02 năm 02 tháng 04 ngày, ngày 30/8/2010 chấp hành xong hình phạt tù;

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 06/3/2019 đến nay (có mặt).

- *Bị hại:* Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1965 và ông Nguyễn Xuân C, sinh năm 1966 (có mặt ông C, vắng mặt bà B).

Cùng cư trú: Thôn M, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

- *Người làm chứng:*

Anh Đỗ Văn D, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Thôn V, xã VT, huyện M, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Văn F, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Khu 5, thôn T, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 05/3/2019, Dương Hồng T gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn M đi trộm cắp xe mô tô để lấy tiền tiêu sài. M đồng ý, T chuẩn bị 01 vạm phá khóa rồi điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 36N9-3592 đến đón M. Sau khi đón M, T chở M đi lòng vòng ở xã TL mục đích xem ai có sơ hở để trộm cắp tài sản. Khi đi đến khu vực đường liên xã thuộc thôn M, xã TL nhìn thấy chiếc xe Honda Dream biển kiểm soát 88H8-6861 của bà Nguyễn Thị B dựng ở dè đường không có người trông giữ. T dừng xe, M cầm vạm đến vị trí xe mô tô phá khóa khi đèn mo sáng, M quay lại bảo T đã mở được khóa điện. T điều khiển xe trộm cắp được, M điều khiển xe của T đi về cánh đồng thôn Đ, xã N. Tại đây T đổi xe cho M, sau đó cùng đi về xã LC, khi đến khu vực cầu kênh thôn L, xã TL, M tháo bỏ ghế xe dùng cho trẻ em để ở vị trí giá hàng ném xuống kênh rồi đến cửa hàng xe máy ở xã LC mượn đồ tháo gương và biển kiểm soát cất vào cốp xe của T. Sau đó cả hai đến quán nước gần đó, T gọi điện cho Nguyễn Văn F ở xã TL để bán xe, F trả giá 5.500.000 đồng nên T và M không bán. M bảo T để một

mình M đem bán sau đó chia cho T 2.800.000 đồng thì T đồng ý. Cả hai đi về thị trấn Y sau đó đi về hướng xã N, khi đi đến cổng BC, T lấy biển kiểm soát trong cốp xe vứt xuống kênh rồi đi tiếp. Khi đi đến đầu xã VT, T ngồi ở quán nước đợi, còn M đi đến nhà bố vợ ở thôn Y, xã VT mục đích vay tiền trả cho T, trên đường đi bị anh Đỗ Văn D và ông Nguyễn Xuân C phát hiện giữ M lại, đưa đến công an xã TL trình báo và thu giữ vật chứng là chiếc xe mô tô do T và M trộm cắp. T đợi lâu không thấy M quay lại nên về nhà cất 02 gương chiếu hậu của xe vừa trộm cắp được vào tủ gỗ trong bếp. Cùng ngày T bị Công an huyện Yên Lạc triệu tập đến làm việc.

Tại cơ quan điều tra các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường, truy tìm vật chứng là chiếc ghế xe máy. Thu giữ tại nhà T 01 thân vạm phá khóa, 01 đầu nối vạm phá khóa, 02 chìa khóa xe mô tô, 04 gương chiếu hậu trong đó có 02 chiếc gương của xe mô tô do T và M trộm cắp. Thu giữ của T 01 xe máy nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 36N9-3592 và giấy đăng ký xe; 01 điện thoại di động Sam Sung; thu giữ của M 01 điện thoại Nokia. Chiếc biển kiểm soát xe máy của bà B của cơ quan điều tra truy tìm tại nơi T vứt nhưng không thu hồi được.

Tại kết luận số 10/2019/KLGD ngày 6/3/2019, hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Yên Lạc kết luận: 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H8-6861 trị giá 6.000.000 đồng; 01 ghế xe máy trị giá 30.000 đồng. Tổng cộng tài sản là 6.030.000 đồng. Ngày 11/3/2019 Cơ quan điều tra trả lại cho bà B chiếc xe máy, ghế xe và 02 chiếc gương xe máy, nhận lại tài sản bà B, ông C không yêu cầu bồi thường gì thêm về dân sự.

Tại Cáo trạng số 33/CT-VKS ngày 19/6/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc truy tố Dương Hồng T và Nguyễn Văn M về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật như Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đề nghị phạt bị cáo T từ 16 tháng đến 18 tháng tù, đề nghị phạt bị cáo M từ 12 đến 14 tháng tù. Xác nhận cơ quan điều tra đã trả lại tài sản cho bị hại, đề nghị tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước 01 xe máy 01 điện thoại của bị cáo T, 01 điện thoại của bị cáo M. Trả lại cho bị cáo T 02 chìa khóa xe máy và 02 gương chiếu hậu, tịch thu tiêu hủy 01 vạm phá khóa, thân vạm và đầu vạm.

Tại phiên tòa các bị cáo nói lời sau cùng thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Lạc, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không ai có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo: Khoảng 09 giờ ngày 05/3/2019 tại khu vực đường liên xã thuộc thôn M, xã TL, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc lợi dụng sơ hở Dương Hồng T và Nguyễn Văn M đã dùng vạm phá ổ khóa điện trộm cắp 01 xe mô tô biển kiểm soát 88H8-6861 và 01 ghế xe máy của bà Nguyễn Thị B, tài sản trị giá 6.030.000 đồng.

Xét lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của các bị cáo tại phiên tòa, lời khai bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng vụ án, kết luận định giá tài sản, phù hợp các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc. Như vậy đủ cơ sở kết luận các bị cáo Dương Hồng T và Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Điều luật quy định:

“ Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Vì vậy, cần xử lý nghiêm trước pháp luật mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Xét nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Dương Hồng T, sinh năm 1987 năm nay 32 tuổi, Nguyễn Văn M sinh năm 1982 năm nay 37 tuổi các

bị cáo đều là người phát triển bình thường về thể chất và tinh thần, nhận thức được việc làm của mình là sai, vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện, bị cáo T đã bị Tòa án xét xử về tội Buôn lậu; bị cáo M đã bị Tòa án xét xử về Lưu hành tiền giả, các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, muốn có tiền tiêu sài bằng cách trộm cắp tài sản của người khác. Trong vụ án này bị cáo T là người khởi xướng rủ M đi trộm cắp tài sản là người chuẩn bị công cụ, phương tiện để thực hiện việc phạm tội nên T giữ vai trò chính, bị cáo M là người thực hiện việc phá khóa để lấy xe và mang đi tiêu thụ nên giữ vai trò đồng phạm giúp sức tích cực. Lễ ra phải phạt các bị cáo với mức án cao song xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ở Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, tài sản đã được thu hồi trả lại cho người bị hại, đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51; bị cáo T có ông nội là thương binh, được tặng huân chương kháng chiến chống Mỹ; bị hại tha thiết xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trong vụ án này các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng nhân thân của các bị cáo là quá xấu, do vậy Hội đồng xét xử chỉ xem xét giảm nhẹ phần nào hình phạt cho các bị cáo.

[3] Về hình phạt bổ sung: Khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự còn quy định: “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Xét thấy các bị cáo là người không có nghề nghiệp, không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản các bị cáo trộm cắp của bà B, Cơ quan điều tra đã trả cho bà B, ông C chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88H8-6861, chiếc ghế xe máy và 02 gương xe máy, nhận lại tài sản bà B, ông C không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 36N9-3592; 01 điện thoại di động Sam Sung của T; 01 điện thoại Nokia của M là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu bán phát mại sung quỹ nhà nước; 01 vạm phá khóa, 01 thân vạm và 01 đầu nối vạm không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy; 02 gương chiếu hậu, 02 chìa khóa xe mô tô là tài sản của T không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Dương Hồng T và Nguyễn Văn M phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Dương Hồng T 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/3/2019.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn M 01 (Một) năm 02 (Hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam ngày 06/3/2019.

Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

Tịch thu bán phát mại sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Airblade biển kiểm soát 36N9-3592; 01 điện thoại di động Sam Sung màu vàng đã cũ; 01 điện thoại di động Nokia màu đỏ đen đã cũ.

Tịch thu tiêu hủy: 01 vạm phá khóa, 01 thân vạm và 01 đầu nối vạm.

Trả lại cho Dương Hồng T 02 gương chiếu hậu, 02 chìa khóa xe mô tô. (Các vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 22 tháng 7 năm 2019 giữa Công an huyện Yên Lạc và Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Lạc).

Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Dương Hồng T và Nguyễn Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Lạc;
- Công an huyện Yên Lạc;
- Trại Tạm giam;
- UBND xã nơi các bị cáo cư trú;
- Bị cáo; Bị hại;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- Lưu HS, bộ phận theo dõi THAHS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Sinh

